

Thông báo kết quả một số hoạt động quan trọng trong ngành NN&PTNT:

QUY CHẾ MỚI QUẢN LÝ VIỆN TRỢ, TIẾN ĐỘ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, ĐÁNH GIÁ CHI TIÊU CÔNG

T.S. Cao Đức Phát, Quyền Bộ trưởng Bộ NN&PTNT
(Trình bày tại Hội nghị Ban điều hành ISG lần thứ 9
16/10/2004)

I. Sửa đổi quy chế quản lý nguồn hỗ trợ quốc tế trong ngành NN&PTNT

Bộ NN&PTNT vừa tiến hành sửa đổi và ban hành **Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (Quyết định số 45/2004/QĐ-BNN ngày 30/9/2004)** để thay thế **Quy chế Quản lý các chương trình và dự án có sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc trách nhiệm của Bộ (Quyết định số 132/1999/QĐ-BNN/HTQT ngày 22/9/1999)**.

(Xem toàn văn Quyết định 45 và Quy chế trong tài liệu đính kèm)

Thực tế cho thấy nhiều nội dung của quy chế quản lý cũ không còn phù hợp với thực tế quản lý của ngành và quy định mới của luật pháp, do đó cần được sửa đổi và bổ sung. Thời gian qua, Chính phủ và các Bộ, Ngành cũng có nhiều văn bản quy định và hướng dẫn về quản lý các chương trình, dự án có sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài ban hành vào các thời gian khác nhau, rất khó cho việc vận dụng. Vì vậy, Quy chế 45 đã được soạn thảo và phát triển theo hướng đưa ra được hướng dẫn tổng hợp về từ ngữ, về nội dung và quy trình cụ thể công tác vận động, thu hút, quản lý và sử dụng các nguồn hỗ trợ nước ngoài đối với ngành NN&PTNT, giúp cho các đơn vị sử dụng được thuận lợi, áp dụng thống nhất và không phải tham khảo nhiều văn bản.

Với mong muốn tạo thuận lợi cho công tác quản lý các chương trình, dự án có nguồn hỗ trợ quốc tế trong ngành, Bộ NN&PTNT xin công bố thông tin và tài liệu này để các đồng nghiệp cùng chia sẻ và cộng tác.

B. Tiến độ cải cách hành chính Bộ NN&PTNT

Thực hiện Chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ, trong năm 2004, Bộ NN&PTNT đã tập trung thực hiện một số nhiệm vụ CCHC cấp bách về sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, cải cách thể chế, thủ tục hành chính, phát triển nguồn nhân lực, cải cách tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính.

1 - Cơ cấu lại hệ thống tổ chức quản lý ngành

Thực hiện Nghị định số 86/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, Bộ đã thành lập một số Cục, Vụ mới và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của một số Cục, Vụ, Trung tâm thuộc Bộ. Bộ trưởng Bộ NN& PTNT đã ban hành các quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của từng Cục, Vụ. Kết quả là tại cấp trung ương, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mỗi Cục, Vụ đã được xác định rõ hơn, hạn chế được sự trùng chéo và bỏ sót nhiệm vụ. Ở cấp

địa phương, Bộ NN&PTNT đã phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn về chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy quản lý ngành NN&PTNT tại cấp tỉnh, huyện. Đến nay, hệ thống tổ chức quản lý ngành đã được tăng cường từ TW đến các địa phương. Hiện nay Bộ đang rà soát lại kết quả 1 năm thực hiện để có sự điều chỉnh cho phù hợp.

Hệ thống các cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường đào tạo của Bộ đang được nghiên cứu tổ chức, sắp xếp lại nhằm phát huy cao nhất tiềm lực khoa học công nghệ trong ngành phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu nhu cầu nông dân về các dịch vụ công do Bộ NN&PTNT, Bộ đã quyết định sẽ tiến hành sát nhập 7 viện và trung tâm ở khu vực Hà Nội thành 1 viện lớn.

2. Đổi mới thể chế

Bộ đang thực hiện rà soát lại hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để loại bỏ những văn bản đã hết hiệu lực, sửa đổi các văn bản có sự trùng chéo. Quy trình, thủ tục ban hành các văn bản quản lý ngành đang được đổi mới theo hướng tăng cường phân công phân cấp, quy định rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, dễ áp dụng. Các quy chế mới về quy trình, chế độ trách nhiệm giải quyết công việc của Bộ, của các Cục, Vụ; Quy chế về quản lý thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA, các quy chế về phân cấp quản lý đang được rà soát lại. Thông qua đó làm cho quy trình giải quyết công việc của Bộ mang tính công khai, minh bạch, có hiệu lực, hiệu quả hơn.

Công tác cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính đang được đẩy mạnh, Bộ đang chỉ đạo một số Cục quản lý chuyên ngành tiến hành đơn giản hóa các thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa đối với các lĩnh vực công tác có liên quan nhiều tới các tổ chức và công dân.

3. Công tác phát triển nguồn nhân lực

Bộ đang tiến hành xác định lại tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cần thiết cho các vị trí công tác. Trên cơ sở đó, thực hiện đánh giá nhu cầu và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức do Bộ quản lý. Bộ đang thực hiện quy trình mới về thi tuyển công chức một cách công khai, minh bạch, đảm bảo đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức. Triển khai và đưa vào vận hành hệ thống thông tin quản lý nhân sự (PMIS) coi đó như là một trong những công cụ hữu hiệu để quản lý phát triển nguồn nhân lực của Bộ. Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực của các địa phương cũng đang được quan tâm, đặc biệt là đào tạo kiến thức khoa học, công nghệ, quản lý cho nông dân, chủ trang trại, cán bộ hợp tác xã nông nghiệp.

4. Về cải cách tài chính công

Quy trình thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng từ xác định chủ trương đầu tư, xây dựng dự án khả thi, phân bổ ngân sách, quản lý giải ngân,... đang từng bước được đổi mới theo hướng dân chủ, công khai phân công phân cấp nhiều hơn. Công tác quản lý chi tiêu từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp trực tiếp và ngân sách tài trợ của các dự án quốc tế đang trở nên công khai và chặt chẽ hơn, chuyển dần từ "tiền kiểm sang hậu kiểm". Các chính sách mới của Chính phủ về cải cách tài chính công, nhất là đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp đang được áp dụng tại các đơn vị trong ngành. Thực hiện thí điểm việc khoán biên chế và chi phí hành chính tại Vụ Kế hoạch để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung

5. Về hiện đại hóa hành chính

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ đang được thực hiện cả về chiều rộng và chiều sâu. Hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn nhân lực và cơ sở dữ liệu đều được đầu tư phát triển. Trung tâm tích hợp dữ liệu và Cổng giao dịch điện tử (Portal) đang được thiết kế xây dựng. Nhiều phần mềm phục vụ quản lý văn bản hành chính, quản lý công trình của Bộ đang được triển khai áp dụng. Các nguồn tài trợ quốc tế đang được sử dụng một cách có hiệu quả trong việc mở rộng trao đổi thông tin giữa Bộ và các địa phương thông qua một loạt các hoạt động như: hỗ trợ 23 Sở NN&PTNT tỉnh về trang thiết bị, đào tạo; phát triển cơ sở dữ liệu của Trung tâm Khuyến nông quốc gia, Trung tâm tin học và các cơ sở nghiên cứu, chuyển giao.

Để đáp ứng nhu cầu của nông dân về thông tin, ngoài các phương tiện thông tin đại chúng, với sự hỗ trợ của UNDP Bộ đang chuẩn bị xây dựng thí điểm các trung tâm thông tin kết nối mạng (Telecentre) tại một số xã ở 7 vùng sinh thái nông nghiệp. Trên cơ sở thực hiện thí điểm sẽ đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình này.

C. Đánh giá chi tiêu công trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 1996 - 2003

1. Bối cảnh và mục tiêu

Chính phủ Việt Nam đã quyết định tiến hành cuộc đánh giá chi tiêu công (PER) và đánh giá tài chính lồng ghép (IFA) để rà soát chính sách và quản lý chi tiêu công và từ đó xác định các biện pháp để đảm bảo rằng các chương trình chi tiêu công hỗ trợ các mục tiêu và ưu tiên phát triển một cách hiệu quả nhất. Ngoài việc rà soát chung, PER-IFA lựa chọn 4 ngành (NN&PTNT, Giáo dục, Y tế, Giao thông-vận tải) và 4 tỉnh để xem xét chi tiết. Bộ Tài Chính là đầu mối PER-IFA chung. Đây là lần đầu tiên Bộ NN&PTNT trực tiếp thực hiện PER.

Ngoài các mục tiêu PER-IFA chung, báo cáo ngành NN&PTNT còn nhằm mục đích tăng cường năng lực thực hiện phân tích chi tiêu công của MARD nhằm đạt được kết quả tốt hơn trong công tác quản lý và điều hành, cung cấp phân tích đầu vào cho việc xây dựng Ngân sách Nhà nước năm 2005 và thí điểm Khuôn khổ Chi tiêu Trung hạn của ngành NN&PTNT ở giai đoạn 2006 - 2010. PER cũng sẽ là cơ sở cho các nhà tài trợ tham khảo trong việc đưa ra các quyết định tài trợ của mình.

2. Phạm vi

Nghiên cứu đánh giá tập trung chủ yếu vào MARD và chi tiêu cấp tỉnh theo các khía cạnh tương tự. PER cũng tập trung phân tích một số lĩnh vực nông nghiệp chủ chốt như thủy lợi, nông nghiệp, khuyến nông và lâm nghiệp.

3. Tiến độ

Báo cáo được xây dựng và về cơ bản đã hoàn thành bởi Tổ biên tập của Vụ Tài chính MARD, kết hợp với tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước, đã được đưa ra thảo luận lấy ý kiến tại một cuộc họp với sự tham gia của các Cục, Vụ trong MARD, một số Bộ ngành, các nhà tư vấn trong và ngoài nước, các nhà tài trợ quốc tế khác.

4. Kết quả

Báo cáo trình bày một bức tranh tổng thể về mức độ và xu hướng chung trong chỉ tiêu công và các nguồn của chúng trong ngành NN&PTNT, có phân ra theo mục đích sử dụng, nội dung kinh tế, cấp Ngân sách (trung ương, tỉnh, vùng) và trách nhiệm, thể chế v.v... trong mối quan hệ với các tiêu chí về đầu ra và hiệu quả. Mặt khác, báo cáo cũng đi vào phân tích các chính sách, thực hiện và quản lý chỉ tiêu công trong ngành, kể cả tác động của việc phân cấp chỉ tiêu công đối với các chương trình chỉ tiêu công của MARD tập trung vào việc cung cấp các dịch vụ công cho nông nghiệp (ví dụ khuyến nông). Cuối cùng, báo cáo đưa ra một số khuyến nghị cho Bộ NN&PTNT cũng như các Bộ ngành có liên quan.

Xin chia sẻ bản dự thảo cuối cùng với Ban điều hành ISG. Các vị có thể tham khảo, đóng góp thêm ý kiến để Bộ NN&PTNT hoàn thiện báo cáo này, làm cơ sở cho các chính sách, chiến lược và ưu tiên của ngành trong gia đoạn tới.

5. Đánh giá chung về tình hình chỉ tiêu công trong NN&PTNT

Trong những năm qua, nông nghiệp và nông thôn nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần tích cực ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, cải thiện đời sống người nông dân cả nước.

Chi ngân sách cho nông nghiệp trong giai đoạn 1996 – 2003 chiếm bình quân 6,64% tổng chi ngân sách, 1,57% GDP. Tuy nhiên mức chi này chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế chỉ đáp ứng được 50-60% yêu cầu.

Ưu tiên đầu tư đến 2010:

- Tiếp tục đầu tư phát triển và nâng cấp các hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu, phục vụ chuyên dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, phòng chống thiên tai bão lụt.
- Đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng khác như giao thông, cấp điện, nước sinh hoạt.
- Đầu tư trồng mới và khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.
- Đầu tư xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học, đặc biệt là công nghệ sinh học, áp dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp, nông thôn, tăng cường công tác khuyến nông, đầu tư cho công tác giống: Nhập, chọn tạo, nhân và cung ứng giống
- Hỗ trợ và khuyến khích đầu tư phát triển các công nghệ sau thu hoạch.
- Đầu tư phát triển nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ đồng bộ, từ cán bộ nghiên cứu khoa học, quản lý ở các cấp, nhất là cấp cơ sở xã, phường.
- Đầu tư nghiên cứu, xây dựng thị trường cho các mặt hàng chiến lược của nông nghiệp Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng chiến lược thị trường.
- Tiếp tục đổi mới quan hệ sản xuất cho phù hợp với tình hình sản xuất, sắp xếp lại nông lâm trường, nâng cao hiệu quả sản xuất, khai thác tốt hơn tiềm năng đất đai.